



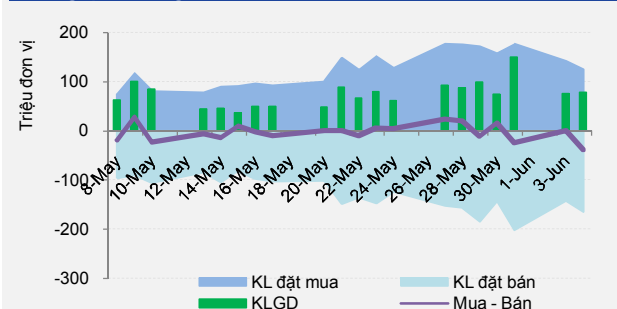
BẢN TIN THỊ TRƯỜNG

Phiên giao dịch ngày: 4/6/2013

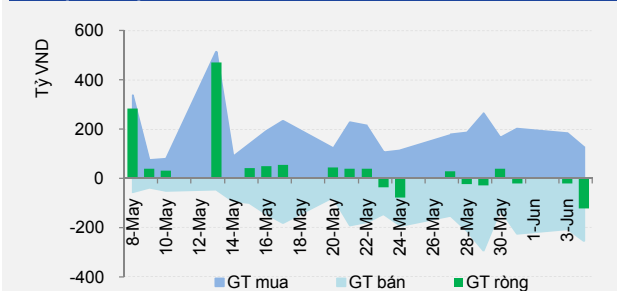
Thông kê thị trường	HOSE	HNX
Index	510.7	63.8
% Thay đổi	↓ -1.2%	↓ -1.7%
KLGD (CP)	78,925,460	57,233,691
GTGD (tỷ đồng)	1,433.34	451.07
Tổng cung (CP)	163,952,900	104,656,100
Tổng cầu (CP)	124,626,670	85,309,700

Giao dịch NĐTNN	HOSE	HNX
KL bán (CP)	9,418,560	1,956,413
KL mua (CP)	4,413,860	296,600
GTmua (tỷ đồng)	128.19	3.57
GT bán (tỷ đồng)	251.20	14.98
GT ròng (tỷ đồng)	(123.01)	(11.41)

Tương quan cung cầu



Giá trị Giao dịch NĐTNN



Ngành Cấp 1	% thay đổi	P/E	P/B	%GTGD
Công nghệ Thông tin	↑ 0.66%	7.8	1.6	3.8%
Công nghiệp	↓ -1.50%	21.4	1.0	16.6%
Dầu khí	↓ -1.44%	5.7	1.2	4.4%
Dịch vụ Tiêu dùng	↑ 0.08%	9.3	1.5	2.4%
Dược phẩm và Y tế	↓ -2.12%	7.6	2.2	0.5%
Hàng Tiêu dùng	↓ -1.22%	12.9	5.0	8.9%
Ngân hàng	↓ -1.97%	7.2	1.3	7.7%
Nguyên vật liệu	↓ -3.17%	8.6	1.8	11.8%
Tài chính	↓ -0.02%	29.4	3.2	36.8%
Tiện ích Cộng đồng	↓ -1.73%	9.0	3.1	7.1%
VN - Index	↓ -1.23%	14.3	3.1	76.3%
HNX - Index	↓ -1.70%	23.7	1.3	23.7%

NHẬN ĐỊNH THỊ TRƯỜNG

Nhận định: Thị trường tiếp tục có phiên điều chỉnh với mức giảm mạnh trên cả hai chỉ số VN-Index và HNX-Index. Khối lượng giao dịch tăng lên so với phiên hôm qua cho thấy áp lực cung gia tăng khi thị trường giảm điểm. Cổ phiếu VIC tăng điểm mạnh với giao dịch tăng đột biến sau khi Công ty này công bố kế hoạch mua 46 triệu cổ phiếu quỹ. Với diễn biến áp lực cung gia tăng vào cuối phiên giao dịch thị trường có thể tiếp tục điều chỉnh tuy nhiên chúng tôi cho rằng xu thế tăng điểm vẫn chưa bị phá vỡ. Vì vậy nhà đầu tư xem xét vẫn tiếp tục nắm giữ cổ phiếu. Với những nhà đầu tư an toàn có thể xem xét hạ tỷ lệ margin nhằm giảm áp lực tâm lý trong những phiên điều chỉnh.

- Khối ngoại đẩy mạnh bán ra với giá trị bán ròng lên đến trên 123 tỷ đồng, đây là giá trị bán ròng cao nhất kể từ 7/2. Cổ phiếu VIC bị bán ròng mạnh nhất hơn 1,1 triệu đơn vị, tương đương 80,7 tỷ đồng. Các cổ phiếu khác cũng bị bán ròng nhiều như HAG với gần 16 tỷ đồng, ITA với hơn 11 tỷ đồng. Ngược lại, cổ phiếu GAS được mua ròng nhiều nhất hơn 24 tỷ đồng.

- Ngân hàng HSBC vừa ra báo cáo về kinh tế Việt Nam, trong đó giảm dự báo tăng trưởng GDP năm 2013 xuống 5.1%, từ mức 5.5% theo dự báo đầu năm. Cơ sở của dự báo là nhu cầu nội địa yếu, hoạt động xuất khẩu sản phẩm nông nghiệp, năng lượng giảm do ảnh hưởng về giá và tăng trưởng tín dụng chậm cải thiện. Trước thực tế sức cầu yếu, HSBC dự báo chỉ số CPI có xu hướng giảm dần theo từng quý, xuống mức trung bình 4.5% trong Q4.2013. Với mức CPI dự báo này, còn dư địa để Việt Nam có thể tiếp tục giảm một số lãi suất chủ chốt. Tuy nhiên, HSBC chưa đề cập đến vấn đề này trong báo cáo. Tổ chức này duy trì dự báo lãi suất vay vốn trên thị trường mở ở mức 6% cho đến cuối năm, không thay đổi so với mức lãi suất hiện tại.

- Hôm nay NHNN tiếp tục đấu thầu 26,000 lượng vàng, với tổng khối lượng trúng thầu đạt 25,800 lượng. Tính từ ngày 28/3/2013 đến nay, NHNN đã tổ chức 26 phiên đấu thầu bán vàng miếng với tổng khối lượng trúng thầu là 658,100 lượng, tương đương khoảng 25.3 tấn, trên tổng số 744,000 lượng chào thầu. Theo thống kê của NHNN TPHCM, lượng vàng tồn quỹ của các ngân hàng hiện đạt khoảng 90% số vàng phải chi trả cho người dân. NHNN sẽ tiếp tục bán vàng nhằm phục vụ nhu cầu tất toán của các Ngân hàng vào ngày 30/6 tới. Động thái bán vàng của NHNN giúp giá vàng trong nước khá ổn định so với sự biến động của giá vàng Thế giới. Hiện chênh lệch giữa giá vàng trong nước và giá thế giới là 4.8 triệu đồng/lượng.

- Theo báo Đầu tư chứng khoán, hiện một số Ngân hàng chưa thực hiện xong việc tất toán trạng thái vàng đang có hướng đề xuất NHNN cho vay vàng để giải quyết việc tất toán trạng thái, và trả nợ khi các hợp đồng tín dụng bằng vàng đáo hạn. Hiện chưa có thông tin về vấn đề này, tuy nhiên chúng tôi cho rằng khả năng này khó xảy ra do 1/ thiếu công bằng giữa các Ngân hàng; 2/ lượng vàng cần thiết để tất toán trạng thái không nhiều.

- Ngân hàng phát triển Châu Á ADB vừa ra báo cáo về thị trường trái phiếu các quốc gia mới nổi thuộc Đông Á. Theo đó quy mô thị trường trái phiếu trong Q1.2013 tăng 2.9% so với quý trước, giảm nhẹ so với mức 3% của Q4.2012. Việt Nam là quốc gia có tốc độ tăng trưởng giá trị trái phiếu mạnh nhất, lên đến 20.8%, trong đó trái phiếu Chính phủ tăng 21.8% QoQ, trái phiếu doanh nghiệp giảm 1.6%. So với cùng kỳ, quy mô trái phiếu của Việt Nam tăng 53.3%, trong đó trái phiếu chính phủ tăng 64.6%, trái phiếu doanh nghiệp giảm 47.2%. Số liệu này cho thấy Việt Nam đang đẩy mạnh phát hành trái phiếu hỗ trợ tăng trưởng kinh tế. Tuy nhiên bối cảnh kinh tế yếu khiến doanh nghiệp khó khăn trong việc phát hành trái phiếu huy động vốn.

PHÂN TÍCH KỸ THUẬT

VN-INDEX

- VN-Index giảm điểm khá mạnh về mức 510.69 điểm, giảm 6.34 điểm tương ứng với mức 1.23% so với phiên trước. Khối lượng giao dịch tăng nhẹ so với phiên trước và ở mức cao so với bình quân khối lượng giao dịch 10 phiên giao dịch gần đây.

- Độ rộng thị trường giảm mạnh so với phiên hôm trước khi mà số lượng cổ phiếu tăng giảm mạnh và số cổ phiếu giảm tăng mạnh.

- Chỉ báo RSI giảm về dưới mức 70. DI+ cắt lên đường DI- cho tín hiệu tích cực, chỉ báo ADX tăng trên mức 25 cho thấy xu hướng tăng của thị trường là khá mạnh. Chỉ báo MA20 cắt lên MA50 là tín hiệu đảo chiều sang xu thế tăng điểm.

- Mức kháng cự cho chỉ số VN-Index là khu vực 540 điểm.
Mức hỗ trợ cho chỉ số VN-Index là khu vực 490-492 điểm.

Nhận định: Chỉ số VN-Index tiếp tục có phiên điều chỉnh với mức giảm điểm khá mạnh. Với diễn biến áp lực bán tăng mạnh vào cuối phiên ngày hôm nay thì chỉ số VN-Index có thể sẽ tiếp tục điều chỉnh tuy nhiên chúng tôi cho rằng những tín hiệu hiện tại chưa phá vỡ xu hướng tăng điểm. Vì vậy nhà đầu tư xem xét vẫn tiếp tục nắm giữ cổ phiếu. Với những nhà đầu tư an toàn có thể xem xét hạ tỷ lệ margin nhằm giảm áp lực tâm lý trong những phiên điều chỉnh.

HNX-INDEX

- HNX-Index giảm điểm mạnh về mức 63.79 điểm, giảm 1.1 điểm tương ứng với mức 1.7% so với phiên trước. Khối lượng giao dịch tăng nhẹ so với phiên trước và ở mức thấp so với bình quân khối lượng giao dịch 10 phiên giao dịch gần đây.

- Độ rộng thị trường giảm mạnh so với phiên hôm trước khi mà số lượng cổ phiếu tăng giảm mạnh và số cổ phiếu giảm tăng mạnh.

- Chỉ báo RSI giảm về dưới mức 70. DI+ cắt lên đường DI- cho tín hiệu tích cực, chỉ báo ADX tăng trên mức 25 cho thấy xu hướng tăng của thị trường là khá mạnh. Chỉ báo MA20 cắt lên MA50 là tín hiệu đảo chiều sang xu thế tăng điểm.

- Mức kháng cự cho chỉ số HNX-Index là khu vực 67 điểm.
Mức hỗ trợ cho chỉ số HNX-Index là khu vực 62.5-63 điểm.

Nhận định: Chỉ số HNX-Index tiếp tục có phiên điều chỉnh với mức giảm điểm mạnh. Khối lượng giao dịch tăng lên trong phiên giảm tiếp tục là tín hiệu không tích cực. Cùng với việc áp lực bán tăng mạnh vào cuối phiên ngày hôm nay thì chỉ số HNX-Index có thể sẽ tiếp tục điều chỉnh tuy nhiên chúng tôi cho rằng những tín hiệu hiện tại chưa phá vỡ xu hướng tăng điểm. Vì vậy nhà đầu tư xem xét vẫn tiếp tục nắm giữ cổ phiếu. Với những nhà đầu tư an toàn có thể xem xét hạ tỷ lệ margin nhằm giảm áp lực tâm lý trong những phiên điều chỉnh.



Minor Trend	Short term trend	Intermediate Trend
Tăng	Tăng	Tăng

Ghi chú:

Minor Trend là xu hướng từ 5 ngày đến 10 ngày
short term trend là xu hướng từ 10 ngày đến 3 tuần
Intermediate trend là xu hướng từ 3 tuần đến 6 tháng



Minor Trend	Short term trend	Intermediate Trend
Tăng	Tăng	Tăng

Ghi chú:

Minor Trend là xu hướng từ 5 ngày đến 10 ngày
short term trend là xu hướng từ 10 ngày đến 3 tuần
Intermediate trend là xu hướng từ 3 tuần đến 6 tháng



Khuyến nghị đã đóng

Mã	Ngày mở khuyến nghị	Ngày đóng khuyến nghị	Khuyến nghị	Giá khuyến nghị	Giá mục tiêu	Giá cắt lỗ	Giá đóng khuyến nghị	Hiệu suất (%)
GMD	12/12/2012	21/12/2012	Mua	17.6	19.5	16.2	17.4	-1.14
OGC	17/12/2012	21/12/2012	Mua	9.3	10.4	8.8	9.6	3.23
LSS	26/12/2012	02/01/2013	Mua	14.3	16.5	13.7	15.8	10.49
NTL	26/12/2012	03/01/2013	Mua	15.7	19	14.8	16.5	5.10
KSD	15/01/2013	18/01/2013	Mua	2.2	2.8	2	2.5	13.64
DRC	04/02/2013	07/02/2013	Mua	33.8	40	32	41.5	22.78
PGC	06/02/2013	21/02/2013	Mua	9.6	14	8.9	10.4	8.33
SII	09/04/2013	12/04/2013	Mua	15.2	18	14.5	15.1	-0.66

Khuyến nghị đang mở

Mã	Ngày mở khuyến nghị	Ngày đóng khuyến nghị	Khuyến nghị	Giá khuyến nghị	Giá mục tiêu	Giá cắt lỗ	Giá hiện tại	Hiệu suất tạm tính (%)
KLS	27/05/2013		Mua	9	11.5	8.5	9.1	1.11
OGC	27/05/2013		Mua	12.5	16	11.8	12.3	-1.60

Ghi chú:

Khuyến nghị được đưa ra thuần túy dựa trên phân tích kỹ thuật và chỉ mang tính chất tham khảo.

Khuyến nghị bán không hàm nghĩa bán khống mà chỉ là quan điểm của chúng tôi về xu thế ngắn hạn của cổ phiếu này.

Giá hiện tại chính là mức giá đóng cửa của phiên giao dịch ngày ra báo cáo.

Khách hàng chủ động cắt lỗ khi giá tăng/giảm đến mức cắt lỗ trong khuyến nghị

Tùy thuộc vào diễn biến thị trường, chúng tôi có thể đưa ra khuyến nghị dừng lỗ hoặc chốt lãi khác so với các mức giá được đưa ra.

LỘC CỔ PHIẾU

Thị trường giảm điểm khá mạnh về cuối phiên trước áp lực cung đến từ khối ngoại tại nhóm cổ phiếu bluechips. Thị trường dự kiến tiếp tục điều chỉnh trong phiên giao dịch tới. Tuy nhiên dòng tiền tham gia thị trường khá mạnh vẫn cho tín hiệu tích cực về xu hướng thị trường trong trung hạn.

Chúng tôi duy trì nhận định nhóm cổ phiếu Bluechips có nền tảng cơ bản tốt vẫn là cơ hội đầu tư đáng quan tâm trong năm 2013. Chúng tôi thống kê chỉ tiêu tài chính của 10 cổ có tăng trưởng lợi nhuận Q1.2013 cao nhất, 10 cổ phiếu có KQKD Q1 hoàn thành kế hoạch năm 2013 cao nhất, 10 cổ phiếu có tỷ suất cổ tức theo kế hoạch năm 2013 cao nhất để nhà đầu tư tham khảo.

TOP CỔ PHIẾU CÓ TĂNG TRƯỞNG LỢI NHUẬN Q1.2013 SO CÙNG KỲ CAO NHẤT

Mã CK	LN Q1.2013	LN Q1 YOY	KLGD TB	EPS	BV	ROA	ROE	P/E	Công nợ/VCSH	Beta	PB	Kế hoạch cổ tức 2013
SDA	1.96	9686.90%	15,733	469	14,632	0.70%	1.36%	9.60	0.97	1.11	0.86	-
KDC	32.64	8965.80%	89,044	150	27,515	6.84%	9.21%	322.63	0.32	0.17	2.27	-
PGC	20.89	4647.90%	359,755	444	12,478	5.61%	13.50%	23.42	1.51	1.51	0.86	-
SDE	0.94	3045.40%	257	2,270	14,678	4.19%	13.06%	2.38	2.34	1.80	0.40	-
NKG	25.27	2023.67%	72,881	(18)	10,142	-4.99%	-31.8%	(792.78)	6.56	0.63	0.31	-
HTL	0.53	1882.89%	18	1,170	11,105	2.78%	4.51%	5.47	0.77	0.93	0.38	-
RIC	4.03	1818.00%	1,977	5,891	14,907	0.98%	1.19%	0.95	0.24	0.35	0.75	1,000
VIP	112.09	1758.84%	773,495	10,212	16,481	7.94%	17.88%	0.78	1.06	1.24	0.41	-
PSI	3.26	1614.78%	115,734	1,616	9,944	0.36%	0.66%	3.03	0.86	1.61	0.32	-
PDC	1.36	1605.10%	7,481	(24)	8,499	3.59%	5.30%	(127.88)	0.43	0.72	0.41	-

TOP CỔ PHIẾU CÓ KQKD Q1.2013 HOÀN THÀNH KẾ HOẠCH NĂM 2013 CAO NHẤT

Mã CK	LN Q1.2013	LN Q1 YOY	KLGD TB	EPS	BV	ROA	ROE	P/E	% hoàn thành kế	Beta	PB	Kế hoạch cổ tức 2013
PPC	945	612%	1,399,174	693	15,629	12%	35%	39.10	282%	1.81	0.46	-
PVT	53	29%	1,071,635	912	11,344	1%	4%	6.36	136%	1.20	2.38	-
NBP	11	191%	3,676	486	17,394	10%	16%	34.53	110%	0.32	1.13	3,000
BSI	2	-91%	35,134	1,168	7,861	0%	-1%	3.34	106%	1.20	0.72	-
SEC	32	19%	668	11	14,498	11%	28%	1,692.84	103%	(0.11)	0.43	-
SLS	12	#N/A	281	4,305	25,154	19%	30%	5.92	99%	(0.51)	0.40	-
MKV	0	177%	1,617	415	9,383	2%	3%	19.03	98%	0.31	0.50	-
VIP	112	1759%	773,495	10,212	16,481	8%	18%	0.78	95%	1.24	0.41	-
ITC	7	90%	553,371	(1,905)	25,718	0%	1%	(4.57)	88%	1.13	1.20	-
VST	(43)	-105%	59,613	5,205	8,247	-5%	-27%	0.56	86%	0.26	0.65	1,000

TOP CỔ PHIẾU CÓ TỶ SUẤT CỔ TỨC THEO KẾ HOẠCH 2013 CAO NHẤT

Mã CK	LN Q1.2013	LN Q1 YOY	KLGD TB	EPS	BV	ROA	ROE	P/E	P/E Ngành	Beta	KH Cổ tức	Tỷ suất cổ tức theo KH
CMT	(0.57)	75%	8,200	2,280	13,437	2.97%	5.48%	2.32	7.13	(0.41)	2,000	39.22%
PXI	0.23	-95%	42,975	3,133	11,030	0.49%	1.34%	1.18	28.33	1.05	1,000	31.25%
CLP	(6.89)	#N/A	47	3,445	14,654	-2.88%	-12.6%	1.39	15.98	0.17	1,500	27.27%
ACL	-	-	7,007	4,422	14,548	1.88%	5.33%	2.53	15.98	0.29	3,000	26.79%
CCL	0.81	-72%	34,127	2,648	10,971	1.21%	2.37%	1.44	54.57	0.35	1,000	26.32%
TNG	1.14	-52%	19,652	4,186	15,797	2.40%	11.34%	2.0	6.50	0.34	2,000	25.97%
HAP	1.41	89%	227,599	1,158	19,050	1.47%	2.06%	5.27	16.74	0.79	1,500	25.42%
VHH	(1.98)	-275%	3,233	336	9,750	-3.36%	-7.29%	6.25	28.33	0.98	500	25.00%
VPH	0.45	-82%	41,589	3,340	16,096	0.34%	1.15%	1.62	54.57	0.91	1,200	24.49%

Ghi chú:

EPS, ROA và ROE tính theo dữ liệu bốn quý gần nhất

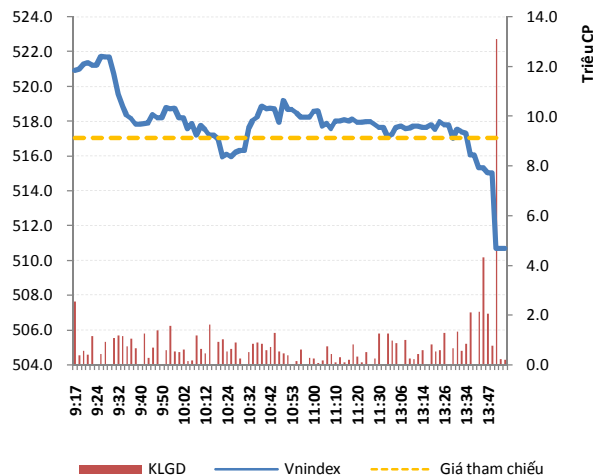
BV tính theo báo cáo tài chính quý gần nhất

Giá lấy theo giá đóng cửa ngày 31/05/2013.

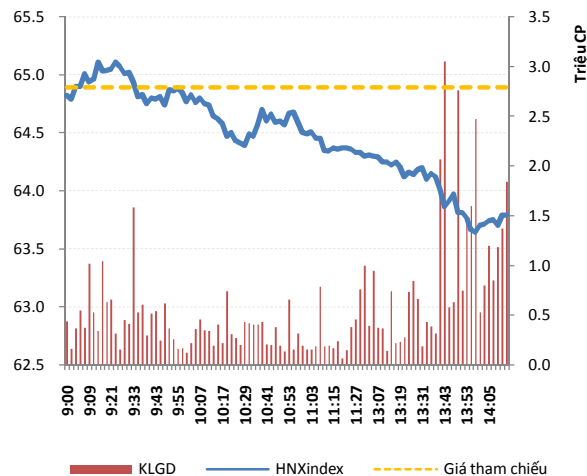


THỐNG KÊ GIAO DỊCH

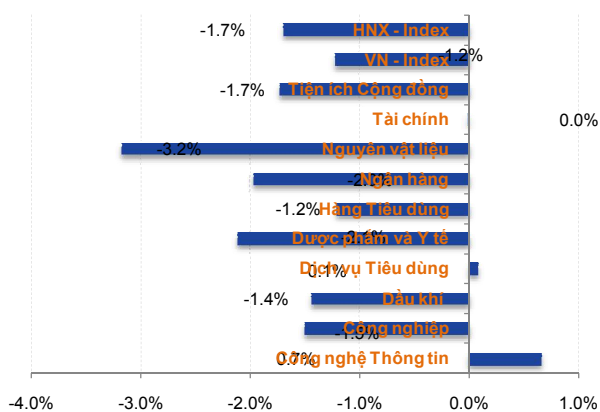
KLGD và VN-Index trong phiên



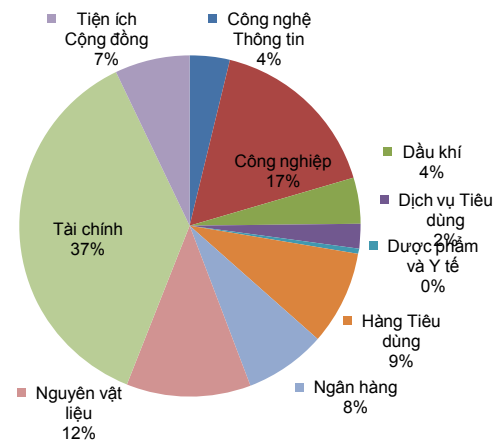
KLGD và HNX-Index trong phiên



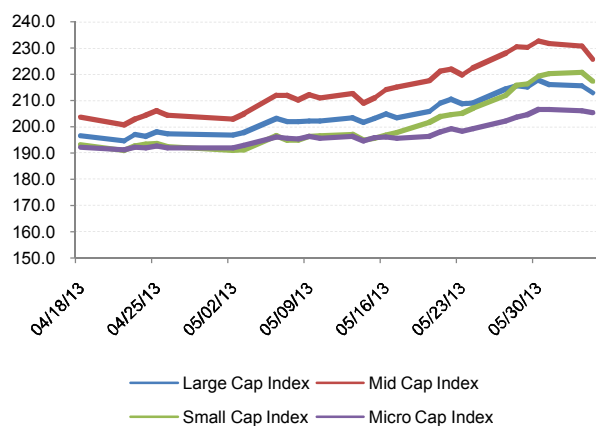
Biến động giá phân theo nhóm Ngành



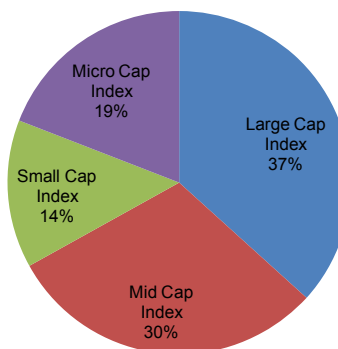
Giá trị giao dịch phân theo nhóm Ngành



Chuỗi Index theo nhóm vốn hóa



Giá trị giao dịch theo nhóm vốn hóa



Nhóm vốn hóa được phân loại bởi StoxPlus:

Large Cap: Vốn hóa trên 5000 tỷ Small Cap: Vốn hóa từ 500 - 1000 tỷ
Mid Cap: Vốn hóa từ 1000 - 5000 tỷ Micro Cap: Vốn hóa dưới 500 tỷ



HOSE

HNX

Top 5 CP NĐT nước ngoài mua và bán nhiều nhất

TT	Mã CK	KL mua ròng	Mã CK	KL bán ròng
1	BIC	1,055,480	ITA	1,480,250
2	GAS	407,950	VIC	1,114,710
3	FCN	102,200	HAG	692,480
4	HPG	98,240	CTG	366,450
5	PVD	67,860	PVF	361,920

TT	Mã CK	KL mua ròng	Mã CK	KL bán ròng
1	SDT	23,300	SHB	733,600
2	S91	21,000	PVX	535,000
3	NBP	20,500	KLS	216,800
4	MEC	16,100	VND	124,900
5	STL	10,000	SCR	85,900

Top 5 CP có KLGD lớn nhất trong ngày

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng		%	KLGD
ITA	7.7	7.4	↓	-3.90%	6,415,690
VIC	69.0	71.5	↑	3.62%	3,522,400
HAG	22.5	22.6	↑	0.44%	3,021,700
PVT	5.8	5.4	↓	-6.90%	2,873,320
SAM	8.5	8.3	↓	-2.35%	2,867,390

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng		%	KLGD
SHB	7.4	7.2	↓	-2.70%	10,745,154
PVX	5.7	5.5	↓	-3.51%	6,669,124
SCR	8.4	8.1	↓	-3.57%	5,684,980
KLS	9.4	9.1	↓	-3.19%	3,474,180
DCS	3.4	3.5	↑	2.94%	2,794,403

Top 5 CP tăng giá nhiều nhất trong ngày

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%
NKG	14.4	15.4	1.0	↑ 6.94%
DXV	2.9	3.1	0.2	↑ 6.90%
NLG	24.9	26.6	1.7	↑ 6.83%
ITD	4.4	4.7	0.3	↑ 6.82%
TV1	10.3	11.0	0.7	↑ 6.80%

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%
NVC	0.7	0.8	0.1	↑ 14.29%
THV	0.7	0.8	0.1	↑ 14.29%
PIV	5.0	5.5	0.5	↑ 10.00%
VE1	2.0	2.2	0.2	↑ 10.00%
DHL	7.2	7.9	0.7	↑ 9.72%

Top 5 CP giảm giá nhiều nhất trong ngày

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%
MPC	29.0	27.0	-2.0	↓ -6.90%
PVT	5.8	5.4	-0.4	↓ -6.90%
VST	2.9	2.7	-0.2	↓ -6.90%
GMD	33.6	31.3	-2.3	↓ -6.85%
SRF	37.0	34.5	-2.5	↓ -6.76%

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%
HAT	23.0	20.7	-2.3	↓ -10.00%
SQC	72.0	64.9	-7.1	↓ -9.86%
HPS	5.1	4.6	-0.5	↓ -9.80%
HEV	14.3	12.9	-1.4	↓ -9.79%
HDA	9.2	8.3	-0.9	↓ -9.78%

(*) Giá điều chỉnh



CHỈ SỐ TÀI CHÍNH

Top KLGD lớn nhất HOSE

Mã	KLGD	ROE	EPS	P/E	P/B
ITA	6,415,690	0.2%	34	219.7	0.6
VIC	3,522,400	11.0%	1,210	59.1	6.1
HAG	3,021,700	3.6%	628	36.0	1.2
PVT	2,873,320	4.2%	461	11.7	0.5
SAM	2,867,390	4.5%	804	10.3	0.5

Top KLGD lớn nhất HNX

Mã	KLGD	ROE	EPS	P/E	P/B
SHB	10,745,154	-2.3%	(266)	-	0.7
PVX	6,669,124	-34.5%	(2,816)	-	0.9
SCR	5,684,980	-0.3%	(43)	-	0.5
KLS	3,474,180	0.4%	55	166.3	0.7
DCS	2,794,403	-1.7%	(181)	-	0.3

Top Đột biến giá HOSE

Mã	+/-%	ROE	EPS	P/E	P/B
NKG	↑ 6.9%	-31.8%	(3,516)	(4.4)	1.5
DXV	↑ 6.9%	2.7%	270	11.5	0.3
NLG	↑ 6.8%	2.0%	259	102.8	2.1
ITD	↑ 6.8%	6.7%	1,111	4.2	0.3
TV1	↑ 6.8%	11.9%	1,408	7.8	0.9

Top Đột biến giá HNX

Mã	+/-%	ROE	EPS	P/E	P/B
NVC	↑ 14.3%	-153.7%	(8,535)	(0.1)	1.6
THV	↑ 14.3%	-623.3%	(5,068)	(0.2)	(0.9)
PIV	↑ 10.0%	-7.7%	(672)	(8.2)	0.6
VE1	↑ 10.0%	-27.8%	(2,444)	(0.9)	0.3
DHL	↑ 9.7%	2.1%	216	36.6	0.8

Top KLGD NĐT nước ngoài mua ròng HOSE

Mã	KL mua	ROE	EPS	P/E	P/B
BIC	1,055,480	11.4%	1,306	7.1	0.8
GAS	407,950	42.1%	6,141	9.6	3.6
FCN	102,200	27.6%	5,812	3.1	0.8
HPG	98,240	14.9%	3,005	10.5	1.5
PVD	67,860	19.9%	6,697	7.4	1.4

Top KLGD NĐT nước ngoài mua ròng HNX

Mã	KL mua	ROE	EPS	P/E	P/B
SDT	23,300	17.6%	4,840	2.8	0.5
S91	21,000	18.3%	2,781	3.1	0.5
NBP	20,500	16.4%	2,780	5.7	0.9
MEC	16,100	7.3%	1,302	4.8	0.3
STL	10,000	-6.6%	(953)	-	0.4

Top Vốn hóa HOSE

Mã	Vốn hóa	ROE	EPS	P/E	P/B
GAS	111,805	42.1%	6,141	9.6	3.6
VNM	110,025	40.4%	7,294	18.1	6.5
MSN	74,914	6.5%	1,473	74.0	4.8
VCB	69,986	10.1%	1,804	16.7	1.6
VIC	66,372	11.0%	1,210	59.1	6.1

Top Vốn hóa HNX

Mã	Vốn hóa	ROE	EPS	P/E	P/B
ACB	15,472	3.1%	424	38.9	1.2
PVS	7,147	18.6%	3,133	5.1	1.0
SQC	7,139	9.1%	1,110	58.5	5.2
SHB	6,380	-2.3%	(266)	-	0.7
VCG	5,389	2.3%	267	45.7	1.0

Top CP có hệ số Beta cao nhất sàn HOSE

Mã	Beta	ROE	EPS	P/E	P/B
KBC	2.75	-12.5%	(1,768)	-	0.6
ITA	2.66	0.2%	34	219.7	0.6
BVH	2.36	9.3%	1,634	30.6	2.7
OGC	2.00	0.6%	69	178.1	1.1
PVF	1.98	-1.5%	(165)	-	0.8

Top CP có hệ số Beta cao nhất sàn HNX

Mã	Beta	ROE	EPS	P/E	P/B
PVL	3.00	-4.9%	(526)	-	0.3
PXA	2.98	-48.1%	(4,075)	-	0.3
PVX	2.96	-34.5%	(2,816)	-	0.9
S96	2.88	-6.0%	(462)	-	0.4
PVV	2.88	-26.1%	(2,486)	-	0.4



Mọi thông tin xin vui lòng liên hệ:

Phòng Phân tích - Công ty Cổ Phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội

Trụ sở chính tại Hà Nội

Tầng 1&3, Tòa nhà Trung tâm
Hội nghị Công đoàn, Số 01 Yết
Kiêu, Hoàn Kiếm, Hà Nội
Tel: (84-4)-3818 1888
Fax: (84-4)-3818 1688

Chi nhánh Hồ Chí Minh

141-143 Hàm Nghi, P. Nguyễn
Thái Bình, Quận I
Tel: (84-8)-3915 1368
Fax: (84-8)-3915 1369

Chi nhánh Đà Nẵng

97 Lê Lợi, Hải Châu, Đà
Nẵng
Tel: (84-511)-352 5777
Fax: (84-511)-352 5779

Website: www.shs.com.vn

Người thực hiện:

Lê Thanh Hòa

Hoa.lt@shs.com.vn

Đoàn Thị Ánh Nguyệt

nguyet.dta@shs.com.vn

Tất cả những thông tin nêu trong báo cáo nghiên cứu này đã được xem xét cẩn trọng, tuy nhiên Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội (SHS) không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo. Các quan điểm, nhận định và đánh giá trong báo cáo này là quan điểm cá nhân của các chuyên viên phân tích mà không đại diện cho quan điểm của SHS.

Báo cáo này chỉ nhằm mục tiêu cung cấp thông tin mà không hàm ý khuyến người đọc mua, bán hay nắm giữ chứng khoán. Người đọc chỉ nên sử dụng báo cáo nghiên cứu này như là một nguồn thông tin tham khảo.

SHS có thể có những hoạt động hợp tác kinh doanh với các đối tượng được đề cập đến trong báo cáo này. Người đọc cần lưu ý rằng SHS có thể có những xung đột lợi ích đối với các nhà đầu tư khi thực hiện báo cáo nghiên cứu phân tích này.

Dữ liệu tài chính được cung cấp bởi [StoxPlus Corporation](#)